TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HC-ST
Ngày 09 - 9 - 2023

V/v Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lai

2. Ông Nguyễn Hữu Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2019/TLST-HC ngày 13/12/2019 về việc *"Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2023/QĐST-HC ngày 10/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HC ngày 25/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HC ngày 17/8/2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Hoàng Văn S

Địa chỉ: Thôn bản M, xã Tân D, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị D. Địa chỉ: Số nhà 356 đường H, phường K, thành phố C, tỉnh Lào Cai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Số 106 Đường Võ Nguyên G, thị trấn Phố R, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T trấn Phố Rhông - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty B.

Địa chỉ: Lô 02 - 9A Khu công nghiệp T, phường Hoàng Văn T, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Thanh X - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến D – Giám đốc nhà máy. Địa chỉ: Nhà máy thủy điện H, xã Tân D, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Phan Thị T;
- Anh Hoàng Đức T;
- Chị Đặng Thị Đ;

Cùng địa chỉ: Thôn bản M, xã Tân D, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

N***gười khởi kiện trình bày:***

Toàn bộ diện tích đất khoảng 7.500m^2 đất bãi ven sông suối và tài sản trên đất của hộ gia đình ông S tại Thôn bản M, xã Tân D, huyện B, tỉnh Lào Cai có nguồn gốc do gia đình ông S khai hoang sử dụng từ những năm 1990 để canh tác trồng cây hàng năm như cây ngô, sắn. Trong suốt thời gian trên 30 năm gia đình ông S canh tác, sử dụng chưa một lần bị Ủy ban nhân dân (gọi tắt UBND) xã Tân D, UBND huyện B và các cơ quan có thẩm quyền khác xử phạt về hành vi sử dụng đất trái pháp luật, hành vi lấn chiếm đất.

Gia đình ông S là người dân tộc bản địa, sinh sống và sử dụng diện tích đất trên từ năm 1990 ổn định, không có tranh chấp từ đời này qua đời khác tại khu vực xã Tân D, canh tác nông nghiệp là nguồn thu chính nuôi sống gia đình. Năm 2012-2013 Nhà nước có chủ trương xây dựng Thủy điện H, Công ty B là chủ đầu tư đã phối hợp với UBND huyện B tiến hành thống kê phần diện tích 7.500m^2.

Năm 2014 phần diện tích đất ven suối của gia đình ông S bị ngập do Nhà máy thủy điện H ngăn đập trữ nước. Nhà máy thủy điện đã có bảng tổng hợp thống kê bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông S đối với phần diện tích đất bãi này (Bảng tổng hợp này Ban quản lý dự án, UBND huyện không giao cho gia đình ông S). Nhà máy thủy điện H chưa kịp chi trả tiền bồi thường về đất, hoa màu cho hộ gia đình ông S thì có việc một số cán bộ UBND huyện B có sai phạm trong quá trình thu hồi đất để thực hiện một số dự án trên địa bàn huyện B nên

Công an tỉnh Lào Cai đã tiến hành điều tra vụ án theo quy định của pháp luật. Cán bộ Ban quản lý dự án của nhà máy và cán bộ phòng tài nguyên và môi trường huyện B đã nói với ông S về việc tạm dừng việc thống kê bồi thường diện tích đất bãi của gia đình, đợi kết quả giải quyết của Công an tỉnh Lào Cai. Gia đình ông S là người dân tộc không hiểu biết pháp luật khi nghe cán bộ nói, ông S đã tin tưởng. Công an tỉnh Lào Cai cũng đã xuống xã Tân D để xác minh và điều tra nhưng Ông S không biết kết quả giải quyết, Công an tỉnh Lào Cai không thông báo kết quả cho người dân.

Nhà máy thủy điện H xây dựng xong và đã đi vào hoạt động .Tuy nhiên phần diện tích khoảng 7.500m^2 đất của hộ gia đình ông S vẫn chưa được nhận biên bản thống kê, Quyết định thu hồi đất và tiền bồi thường. Không chỉ mình gia đình ông S mà còn khoảng chục hộ gia đình trong thôn bị mất đất do nhà máy ngăn đập chứa nước làm ngập không thể canh tác cũng chưa được thống kê bồi thường. Cuối năm 2018, đầu năm 2019 các hộ dân bị mất đất tại Thôn bản M có đơn gửi UBND tỉnh Lào Cai và UBND huyện B yêu cầu xem xét giải quyết thống kê bồi thường cho các hộ gia đình. Tháng 02/2019 ông S nhận được văn bản trả lời số 09/UBND – TNMT đề ngày 19/2/2019 của UBND huyện B về việc trả lời đơn thư của ông Bàn Văn Q và các hộ dân tại bàn M, xã Tân D có nội dung *"...đối với các diện tích trên chưa đủ căn cứ để bồi thường về đất cho hộ ông Bàn Văn Q và một số hộ gia đình trong đơn đề nghị*" trong đó có hộ gia đình ông S. Đến tháng 02/2019 người dân trong thôn và ông S mới được biết UBND huyện B không bồi thường cho các hộ dân. Căn cứ Luật tố tụng hành chính: Việc UBND huyện B không bồi thường về đất, không ban hành quyết định hành chính cho hộ gia đình ông S khi thu hồi đất là hành vi hành chính trái pháp luật. Thời hạn khởi kiện vụ án hành chính, hành vi hành chính là một năm kể từ ngày biết.

Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết: Buộc UBND huyện B phải thực hiện việc bồi thường, thống kê, ban hành Quyết định thu hồi đất đối với diện tích khoảng 7.500m^2 đất bãi tại Thôn bản M, xã Tân D, tỉnh Lào Cai cho gia đình ông S theo đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện UBND huyện B trình bày:

Về hồ sơ địa chính: Vị trí thửa đất ông Hoàng Văn S đề nghị hỗ trợ bồi thường nằm trong thửa số 15, tờ bản đồ số 07, mục đích sử dụng là đất hoang do UBND xã Tân D quản lý.

Về hồ sơ giải phóng mặt bằng: Năm 2012 UBND huyện B ban hành Quyết định số 2676/QĐ-UBND ngày 20/9/2012 về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Thủy điện Hà tại bàn M xã Tân D, huyện B, tỉnh Lào Cai; Quyết định số 3937/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 phê duyệt kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng công trình Thủy điện Hà tại bàn M xã Tân D, huyện B, tỉnh Lào Cai. Hộ ông Hoàng Văn S: Thu hồi 10.682,0m^2 đất (thửa số 108 tờ bản đồ số 01; thửa số 25, 26, 27 tờ bản đồ số 07), đã được phê duyệt bồi thường về đất là 78.088.000 đồng.

Năm 2013 UBND huyện B ban hành Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Thủy điện Hà tại bàn M xã Tân D, huyện B, tỉnh Lào Cai; Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 phê duyệt kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng bổ sung công trình Thủy điện H tại bàn M xã Tân D, huyện B, tỉnh Lào Cai. Hộ ông Hoàng Văn S: Thu hồi 1.281,7m^2 đất (thửa số 28, 29, 30 tờ bản đồ số 07), đã được phê duyệt bồi thường về đất là 16.515.600 đồng.

Năm 2013 UBND huyện B tiếp tục ban hành Quyết định số 4016/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 thu hồi đất để xây dựng công trình Thủy điện H, hạng mục đường công vụ từ nhà điều hành ban quản lý dự án Thủy điện H đến nhà máy và đường tránh ngập từ nhà máy đến hết bàn M, xã Tân D; Quyết định số 4049/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 phê duyệt kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng công trình Thủy điện H, hạng mục đường công vụ từ nhà điều hành ban quản lý dự án Thủy điện H đến nhà máy và đường tránh ngập từ nhà máy đến hết bàn M, xã Tân D. Hộ ông Hoàng Văn S: Thu hồi 1.073,4m^2, (thửa số 127 tờ bản đồ số 01) đã được phê duyệt bồi thường về đất là 5.367.200 đồng.

Ngày 21/11/2018 khi đoàn công tác gồm Thanh tra sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B và UBND xã Tân D đi xác minh giải quyết đơn thư thì hộ gia đình ông Hoàng Văn S và một số hộ gia đình đều không cung cấp được bất kỳ một loại giấy tờ gì có liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất của thửa đất số 15, tờ bản đồ số 7, diện tích 12.060,8m^2, mục đích sử dụng là đất hoang (hg). Tại báo cáo số 44/BC-UBND ngày 22/5/2019 của UBND xã Tân D cũng nêu rõ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 7 thuộc quyền quản lý của UBND xã Tân D.

Căn cứ vào hồ sơ, sổ mục kê và bản đồ đo đạc địa chính xã Tân D năm 2004 thì thửa đất số 15, tờ bản đồ số 7, diện tích 12.060,8m^2, mục đích sử dụng là đất hoang ven sông suối, hoang hóa, không giao cho các hộ gia đình cá nhân, do UBND xã Tân D quản lý. Vì vậy, đối với thửa đất trên chưa đủ căn cứ để bồi thường về đất theo đề nghị của hộ ông ông Hoàng Văn S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty B trình bày:

Công ty B được UBND tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận đầu tư số 1212000186 chứng nhận lần đầu ngày 21/4/2010, thay đổi lần thứ nhất ngày 11/10/2013 với quy mô của dự án là 158,51 ha. Công ty B đã phối hợp với UBND huyện B thực hiện công tác thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với dự án Nhà máy thủy điện H theo đúng quy định của pháp luật. Ban quản lý dự án H là đơn vị thuộc Công ty B đã thực hiện thanh toán đầy đủ số tiền thu hồi, bồi thường theo các quyết định của UBND huyện B. Sau khi thực hiện xong công tác thu hồi, bồi thường thì Công ty đã được UBND tỉnh Lào Cai ký hợp đồng thuê đất số 26/HĐ-TĐ ngày 04/4/2014. Vì vậy, nội dung khởi kiện của ông Hoàng Văn S buộc UBND huyện B thực hiện việc bồi thường với diện tích 7.500m^2 là không có cơ sở để thực hiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T, anh Hoàng Đức T, chị Đặng Thị Đ đều nhất trí với quan điểm và yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại giữa các đương sự nhưng không tiến hành được do các đương sự đều vắng mặt. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quy định của Luật tố tụng hành chính về việc xét xử sơ thẩm vụ án hành chính.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hoàng Văn S về việc buộc UBND huyện B phải thực hiện việc bồi thường, thống kê, ban hành Quyết định thu hồi đất đối với diện tích khoảng 7.500m^2 đất bãi tại Thôn bản M, xã Tân D, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện.

Về đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện: Ông Hoàng Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện B phải thực hiện việc bồi thường, thống kê, ban hành Quyết định thu hồi đất đối với diện tích khoảng 7.500m^2 đất bãi tại Thôn bản M, xã Tân D, huyện B, tỉnh Lào Cai theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hành vi hành chính của UBND huyện B thực hiện trong quá trình quản lý nhà nước về đất đai. Thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện: Cuối tháng 02/2019 ông S biết được việc UBND huyện B không bồi thường cho các hộ dân trong đó có hộ gia đình ông S tại văn bản trả lời số 09/UBND-TNMT ngày 19/02/2019 của UBND huyện B. Đến ngày 04/12/2019, ông S khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án. Vì vậy vụ án khởi kiện trong thời hiệu quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét hành vi hành chính của UBND huyện B về việc không thực hiện việc thống kê, bồi thường, ban hành Quyết định thu hồi đất đối với diện tích khoảng 7.500m^2 đất cho hộ gia đình ông S.

[2.1] Về thẩm quyền thực hiện hành vi hành chính: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013, UBND cấp huyện có thẩm quyền thu hồi đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân. Như vậy, việc ông S khởi kiện buộc UBND huyện B thực hiện việc bồi thường, thống kê, ban hành quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình là đúng thẩm quyền.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện buộc thực hiện hành vi hành chính:

Về nguồn gốc diện tích đất: Ông S cho rằng toàn bộ diện tích đất khoảng 7.500m^2 đất bãi ven sông suối và tài sản trên đất của hộ gia đình ông tại Thôn

bản M, xã Tân D, huyện B do gia đình khai hoang sử dụng từ những năm 1990 để canh tác trồng cây hàng năm như ngô, sắn. Đến năm 2013 UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi, phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng công trình Nhà máy thủy điện H tại Thôn bản M, xã Tân D nhưng chưa thực hiện việc bồi thường, thống kê, ban hành quyết định thu hồi đất cho gia đình ông S theo quy định. Ông S cung cấp chứng cứ là đơn xin xác nhận ngày 30/5/2019 về việc sử dụng diện tích đất, có xác nhận của ông Đặng Văn T - Nguyên trưởng Thôn bản M và ông Lý Phúc T – Nguyên chủ tịch UBND xã Tân D với nội dung hộ ông S khai hoang sử dụng diện tích khoảng 9000m^2 đất ở ven sông chảy để trồng cây hàng năm. Tuy nhiên, theo lời khai của ông Đặng Văn T tại Bản án Dân sự số 02/2021/DS-ST ngày 01/3/2021 của TAND tỉnh Lào Cai đã nhận định, ông T chỉ xác nhận theo đơn của gia đình còn thực tế không biết chính xác gia đình ông S sử dụng diện tích đất là bao nhiêu, cũng không biết về nguồn gốc, thời gian sử dụng đất.

Về hiện trạng diện tích đất ông S khởi kiện buộc UBND huyện B thực hiện việc bồi thường, thống kê, ban hành quyết định thu hồi đất: Quá trình giải quyết vụ án người bị kiện là UBND huyện B cung cấp tài liệu, chứng cứ xác định diện tích đất trên đã được UBND tỉnh Lào Cai ký hợp đồng thuê đất với Công ty Đầu tư xây dựng và thương mại Quốc tế và được UBND tỉnh Lào Cai cấp GCNQSDĐ cho công ty. Ông Hoàng Văn S đã khởi kiện vụ án dân sự về yêu cầu tuyên bố hợp đồng cho thuê đất vô hiệu và hủy quyết định về việc phê duyệt cho thuê đất và cấp GCNQSDĐ đối với Công ty Đầu tư xây dựng và thương mại Quốc tế. Tại Bản án Dân sự số 02/2021/DS-ST ngày 01/3/2021 của TAND tỉnh Lào Cai đã nhận định không có căn cứ chứng minh gia đình ông S có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất này và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn S. Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy diện tích đất ông S kiện buộc UBND huyện B thực hiện việc bồi thường, thống kê, ban hành quyết định thu hồi đất đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Đối với tài liệu, chứng cứ là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng ông Hoàng Ngọc S, bà Phan Thị T với bên nhận chuyển nhượng ông Trần Văn Q do người khởi kiện cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, có nội dung thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất số 7, tờ bản đồ số 15, địa chỉ thửa đất Bàn M, xã Tân D, diện tích 9.487,0m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm, nguồn gốc đất gia đình tự khai phá, được UBND xã Tân

D chứng thực. Tuy nhiên, hợp đồng chuyển nhượng do người khởi kiện cung cấp là bản photo vì vậy không được coi là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật tố tụng hành chính. Ngoài ra, người khởi kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất trên.

Ngoài ra, tại biên bản kiểm tra xác định diện tích đất ngày 04/3/2020 giữa đại diện phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B, đại diện UBND xã Tân D, đại diện Thôn bản M, đại diện Nhà máy thủy điện H và hộ gia đình ông S đã tiến hành kiểm tra, xác định diện tích đất như sau*: "....Căn cứ hồ sơ, sổ mục kê và bản đồ địa chính xã Tân D năm 2004, thì vị trí đề nghị được bồi thường cụ thể..... Vị trí đất gia đình đề nghị thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 7, diện tích là 12.060,8m^2, mục đích sử dụng là đất hoang theo hồ sơ địa chính do UBND xã Tân D quản lý. Về việc bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản, hoa màu: Hộ ông Hoàng Văn S đã được phê duyệt theo quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 của UBND huyện B hộ gia đình ông đã nhận tiền bồi thường về cây cối hoa màu... Ý kiến của UBND xã Tân D đồng ý với kết quả xác minh như trên. Đề nghị 02 hộ gia đình nghiêm chỉnh chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước tránh khiếu kiện kéo dài, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự ở địa phương. Ý kiến của đồng chí trưởng thôn: Về hiện trạng đất của các hộ đình trước khi thu hồi đất để thực hiện dự án là đất ven sông suối các hộ gia đình tận dụng để canh tác sử dụng....."*. Sau khi có kết quả kiểm tra, xác định diện tích đất ông S đã ký vào biên bản. Như vậy, căn cứ sổ mục kê, bản đồ địa chính xã Tân D năm 2004 thì diện tích đất đề nghị được bồi thường, thống kê nằm trong thửa đất số 15, tờ bản đồ 07, diện tích 12.060,8m^2, mục đích sử dụng là đất hoang theo hồ sơ địa chính do UBND xã Tân D quản lý. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì UBND huyện B không ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất 7.500m^2 cho ông Hoàng Văn S là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, xét thấy tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện cung cấp không đủ căn cứ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất trên. Căn cứ Điều 49 Luật đất đai năm 1993, Điều 80 Luật đất đai năm 2003, Điều 141 Luật đất đai năm 2013 đều quy định đất bãi bồi, ven sông thuộc địa phận xã, phường, thị trấn nào thì do UBND cấp xã, phường, thị trấn đó quản lý. Vì vậy, việc ông S cho rằng gia đình mình có quyền sử dụng đất hợp pháp

đối với diện tích đất trên là không có căn cứ nên yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn S không được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30; Điều 32; Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 49 Luật đất đai năm 1993, Điều 80 Luật đất đai năm 2003, Điều 141 Luật đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hoàng Văn S về việc buộc UBND huyện B phải thực hiện việc bồi thường, thống kê, ban hành Quyết định thu hồi đất đối với diện tích khoảng 7.500m^2 đất bãi tại Thôn bản M, xã Tân D, tỉnh Lào Cai cho gia đình ông S.

2. Về án phí: Người khởi kiện ông Hoàng Văn S phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001473 ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khánh Vân